

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)

Công ty Thành viên của Reanda International

Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM

Trụ sở văn phòng: 156-158 Phố Quang, phường 9, quận Phú Nhuận, Tp.HCM

Tel: +84 (28) 3999 00 91~97

Fax: +84 (28) 3999 00 90

Email: contact@vietvalues.com

Website: www.vietvalues.com



Số: 2084/18/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ SÀI GÒN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ Sài Gòn, được lập ngày 16 tháng 3 năm 2018 (từ trang 08 đến trang 33), bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2018.



Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán số 1512-2018-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Lý Công Thành – Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán số 3870-2017-071-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu **VIETVALUES**

312
CÔNG
CH NH
1 TOA
HƯ
5-T

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		36.551.007.159	30.071.282.635
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	4.362.912.096	2.367.303.763
111	1. Tiền		4.362.912.096	2.367.303.763
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		25.540.000.000	19.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	25.540.000.000	19.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		3.484.862.329	3.996.583.443
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	1.348.717.377	3.309.805.176
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	1.486.792.125	492.180.230
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	769.352.827	314.598.037
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.6	(120.000.000)	(120.000.000)
140	IV. Hàng tồn kho	V.7	3.163.232.734	4.707.395.429
141	1. Hàng tồn kho		3.205.247.684	4.797.427.640
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(42.014.950)	(90.032.211)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		82.455.765.015	86.763.779.622
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		1.458.306.383	1.102.410.859
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	1.458.306.383	1.102.410.859
222	- Nguyên giá		3.584.995.278	2.906.511.515
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.126.688.895)	(1.804.100.656)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.9	80.270.142.543	82.823.452.507
231	- Nguyên giá		116.360.630.453	114.302.315.819
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(36.090.487.910)	(31.478.863.312)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		727.316.089	2.837.916.256
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.10	727.316.089	2.837.916.256
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		119.006.772.174	116.835.062.257

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 141 Nguyễn Du, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		72.963.132.160	76.342.627.065
310	I. Nợ ngắn hạn		16.567.135.333	18.734.162.436
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.11	4.131.819.523	6.350.372.349
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.12	2.087.418.352	1.906.009.186
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.13	4.513.539.077	3.694.681.452
314	4. Phải trả người lao động	V.14	1.040.022.573	1.201.400.916
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		2.759.091	-
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.15	2.046.274.729	1.976.256.576
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.16a	2.206.073.987	2.754.629.102
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.17	539.228.001	850.812.855
330	II. Nợ dài hạn		56.395.996.827	57.608.464.629
337	1. Phải trả dài hạn khác	V.16b	56.395.996.827	57.608.464.629
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		46.043.640.014	40.492.435.192
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.18	46.043.640.014	40.492.435.192
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		25.000.000.000	25.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		25.000.000.000	25.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		4.210.000.000	4.210.000.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		7.735.833.303	6.788.632.736
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		9.097.806.711	4.493.802.456
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		4.493.802.456	2.629.844.293
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		4.604.004.255	1.863.958.163
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		119.006.772.174	116.835.062.257

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2018.

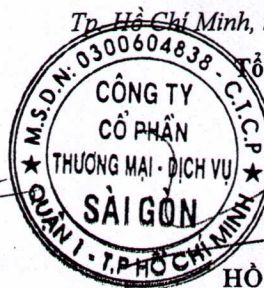
Người lập biểu

Kế toán trưởng

NGÔ THANH LONG

NGÔ THANH LONG

HỒ PHƯỚC HẢI



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	127.839.573.491	107.403.134.838
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		127.839.573.491	107.403.134.838
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	93.846.068.986	74.996.357.863
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		33.993.504.505	32.406.776.975
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	1.933.182.817	1.267.188.004
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	3.696.889.176	3.779.018.223
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	697.919.053	553.594.151
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	19.732.564.460	18.622.162.562
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		11.799.314.633	10.719.190.043
31	11. Thu nhập khác		123.678.909	61.471.907
32	12. Chi phí khác		22.455.867	5.789.051
40	13. Lợi nhuận khác		101.223.042	55.682.856
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		11.900.537.675	10.774.872.899
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.13b	2.428.532.003	2.289.595.350
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		9.472.005.672	8.485.277.549
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.7	3.220	2.884
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.8	3.220	2.884

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2018.

Người lập biểu

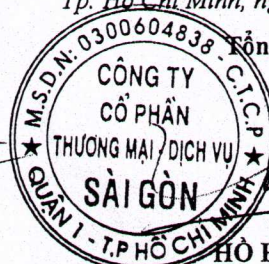
Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

NGÔ THANH LONG

NGÔ THANH LONG

HỒ PHƯỚC HẢI



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

ĐVT: VNĐ

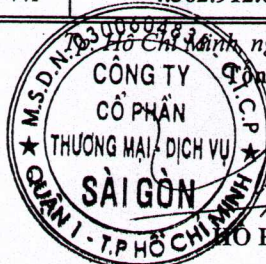
Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		11.900.537.675	10.774.872.899
	2. Điều chỉnh cho các khoản		2.953.012.759	3.602.509.858
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư		4.934.212.837	4.873.377.264
03	- Các khoản dự phòng		(48.017.261)	(4.832.589)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(3.080)	889.647
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.933.179.737)	(1.266.924.464)
06	- Chi phí lãi vay		-	-
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		14.853.550.434	14.377.382.757
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		511.721.114	604.871.614
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		1.592.179.956	(82.353.658)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(3.072.567.027)	(2.583.973.445)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		-	-
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.422.795.027)	(2.062.815.409)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		127.970.000	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(1.861.435.704)	(880.273.273)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		9.728.623.746	9.372.838.586
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(626.198.230)	(2.370.288.985)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(15.540.000.000)	(21.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		9.000.000.000	14.300.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.933.179.737	1.266.924.464
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(5.233.018.493)	(7.803.364.521)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(2.500.000.000)	(6.500.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(2.500.000.000)	(6.500.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (20+30+40)		1.995.605.253	(4.930.525.935)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.367.303.763	7.298.719.345
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		3.080	(889.647)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	4.362.912.096	2.367.303.763

Người lập biểu

Kế toán trưởng

NGÔ THANH LONG

NGÔ THANH LONG



Ngày 16 tháng 3 năm 2018.

Tổng Giám Đốc

NGUYỄN PHƯỚC HẢI